|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BYT |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

 **Dự thảo**

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,**

 **VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI,**

**VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**

**TRONG DỰ THẢO LUẬT DÂN SỐ**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Y tế đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo Luật Dân số, kết quả như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ**

**1. Bối cảnh xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

Ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII đã ban hành Nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới. Nghị quyết khẳng định “Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh bảo đảm phát triển nhanh và bền vững”. Nghị quyết đặt ra mục tiêu “Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững”. Đây là những quan điểm, mục tiêu xuyên suốt, cần được thể chế hóa bằng pháp luật dân số.

Luật Dân số được xây dựng nhằm thay thế Pháp lệnh Dân số năm 2003 và Pháp lệnh sửa đổi năm 2008 để đáp ứng yêu cầu mới trong quản lý dân số toàn diện, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi dân số, già hóa dân số, mức sinh thấp và những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Xây dựng Luật Dân số nhằm tạo cơ sở pháp lý cao nhất để giải quyết toàn diện công tác dân số cả về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân số và chất lượng dân số; đáp ứng yêu cầu chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển... sau hơn 20 năm thi hành, Pháp lệnh Dân số có một số hạn chế, tồn tại để đáp ứng yêu cầu của công tác dân số trong tình hình mới. Chính vì vậy cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật đồng bộ để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác dân số. Thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng về công tác dân số, trực tiếp nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội.

Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, phù hợp với các cam kết chính trị mà Việt Nam đưa ra tại các diễn đàn quốc tế; tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật hiện hành; tính tương thích với các Điều ước quốc tế liên quan đến dân số mà Việt Nam là thành viên. Bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền cơ bản của công dân; lồng ghép giới trong xây dựng Luật; thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác dân số.

**2. Mục đích, yêu cầu đánh giá**

- Rà soát nội dung dự án Luật, xác định các nội dung phân quyền, phân cấp trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác dân số. Việc phân quyền, phân cấp phải bảo đảm rõ chủ thể, nội dung, phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, công khai theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

- Rà soát nội dung dự án Luật, xác định các nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới, thực hiện chính sách dân tộc, trên cơ sở đó đánh giá, xem xét yêu cầu về nội dung và trình tự, thủ tục quy định tại Điều 21 Luật Bình đẳng giới, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật liên quan về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, thực hiện chính sách dân tộc trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

**II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

**1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính**

Dự thảo Luật Dân số không quy định trực tiếp các thủ tục hành chính cụ thể mà chủ yếu thực hiện các thủ tục hành chính hiện có của các luật liên quan đến nội dung dự kiến quy định.

Một số nội dung dự kiến đưa ra trong nội dung Dự thảo Luật Dân số về cơ bản chỉ cấu thành tên TTHC, chưa hình thành đầy đủ nội dung TTHC (chưa bao gồm trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí) và được quy định trong các văn bản pháp luật khác (như Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dược và một số văn bản có liên quan) Vì vậy, việc đánh giá các thủ tục này trong Dự thảo Luật Dân số được thực hiện thông qua các TTHC liên quan đã được công bố, thực hiện, việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC chỉ mang tính định tính, chưa thể lượng hóa được do phụ thuộc vào số lượng đối tượng tuân thủ TTHC.

**2. Việc phân quyền, phân cấp**

Dự thảo Luật quy định thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Y tế, UBND các cấp trong quản lý dân số (Chương V).

Dự thảo quy định phân cấp, phân quyền trong thực hiện công tác dân số cho chính quyền địa phương, cụ thể: (i) thực hiện các chương trình, dự án cho vay vốn, tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện chính sách định canh, định cư để ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, hạn chế du canh, du cư và di cư tự phát; (ii) quản lý dân cư, quản lý lao động từ nơi khác đến, (iii) hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, trong việc xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về dân số.

Dự thảo Luật có 05 điều giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định tại Nghị định để bảo đảm phù hợp về mặt thẩm quyền cũng như tăng cường phân cấp, phân quyền trong dự thảo Luật.

**3. Việc bảo đảm bình đẳng giới**

Vấn đề dân số và phát triển với bình đẳng giới là hai vấn đề song hành có những tác động qua lại lẫn nhau trong xu thế phát triển. Dân số ổn định, xã hội phồn vinh, gia đình hạnh phúc là một mục tiêu của phát triển dân số; bình đẳng giới trong xu thế phát triển cũng là một mục tiêu của phát triển dân số bảo đảm quá trình phát triển con người công bằng, bình đẳng; đồng thời cũng phát huy vai trò tích cực của mỗi giới trong sự phát triển của gia đình và đất nước. Mỗi sự phát triển của dân số có tác động đến tình trạng bình đẳng giới.

Bình đẳng giới trong mối quan hệ với dân số được thể hiện: Bình đẳng giới trong gia đình là việc vợ chồng có quyền quyết định đến sinh con, nuôi dạy con; chia sẻ công việc gia đình; bàn bạc thống nhất, đưa ra các quyết định liên quan đến kiểm soát, sử dụng nguồn lực trong gia đình; kế hoạch hóa gia đình; phòng, chống bệnh lây truyền; giáo dục con cái; tôn trọng, chia sẻ trong mối quan hệ gia đình và bên ngoài gia đình. Bình đẳng giới trong thực thi chính sách của Đảng và Nhà nước thể hiện trong các mối quan hệ xã hội chia sẻ, giúp đỡ bảo đảm sự công bằng, bình đẳng; trong cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp bình đẳng giới được thể hiện bằng việc giúp đỡ, tạo điều kiện, phát hiện, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đúng nguồn lực để mỗi cá nhân có điều kiện công tác tốt và phát triển, nâng cao năng lực chuyên môn, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức phù hợp với yêu cầu mới của đất nước; việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với tình hình thay đổi của xã hội, đất nước cùng với việc hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức thực hiện tốt bảo đảm sự thành công của thực hiện bình đẳng giới.

Dân số tác động tới bình đẳng giới đó là dân số phát triển ổn định về quy mô, cơ cấu, phân bổ, chất lượng sẽ tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển như nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống, giảm sức ép của dân số tăng nhanh tới kinh tế, xã hội, tài nguyên môi trường tạo điều kiện phát triển bền vững của đất nước. Qua đó cũng tạo ra động lực trong việc thực hiện bình đẳng giới. Gia đình sinh ít con có điều kiện quan tâm, chia sẻ chăm sóc con cái, đầu tư cho giáo dục, y tế, lựa chọn nghề nghiệp của con cái công bằng hơn; ở tầm vĩ mô đất nước có điều kiện tích lũy nguồn lực vật chất cho việc ban hành thực hiện các chương trình dự án, chương trình giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới góp phần vào việc thực hiện bình đẳng giới; phát hiện, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp nguồn lực con người công bằng tạo điều kiện để bảo đảm cơ cấu về giới tham gia lãnh đạo và quản lý xã hội, phát huy trí tuệ của giới trong công cuộc phát triển đất nước và xây dựng gia đình văn hóa.

3.1. Mục tiêu lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (LGVĐBĐG) trong dự thảo Luật dân số

Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng dự án Luật dân số bảo đảm hướng tới các mục tiêu sau:

- Cụ thể hóa các quy định về bảo vệ quyền con người, nguyên tắc bình đẳng giới đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và trong những văn bản pháp luật khác có liên quan (Bộ luật Lao động, Bộ luật Hình sự 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015...)

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong các quy định của dự thảo Luật với các quy định pháp luật hiện hành về bình đẳng giới trong các lĩnh vực liên quan (y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội….)

- Bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước CEDAW; phù hợp với khuyến nghị chung của Ủy ban CEDAW liên quan đến việc bảo đảm các quyền con người của nữ giới và nam giới trong mọi lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình.

3.2. Việc tuân thủ các quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng dự án Luật Dân số

Luật dân số được xây dựng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, theo đó việc LGVĐBĐG được thực hiện ở cả hai giai đoạn là lập đề nghị xây dựng Luật và soạn thảo dự án Luật. Cụ thể:

a) Việc tuân thủ quy định Đánh giá tác động giới của các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật dân số: Bộ Y tế, cơ quan giúp Chính phủ lập đề nghị xây dựng Luật dân số đã thực hiện việc xây dựng nội dung và đánh giá tác động của các chính sách trong lĩnh vực dân số, trong đó, có đánh giá tác động giới. Kết quả của hoạt động này là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật dân số.

Trong quá trình soạn thảo Dự án Luật, tại các phiên họp bàn về mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, những định hướng lớn của dự án Luật, Ban soạn thảo, Tổ biên tập và cơ quan chủ trì đều chú trọng xem xét việc LGVĐBĐG, việc quy phạm hoá đúng đắn, đầy đủ nội dung và giải pháp chính sách đã được lựa chọn trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách để giải quyết vấn đề của thực tiễn, trong đó có các giải pháp để giải quyết các vấn đề giới.

Ban soạn thảo đã phối hợp cùng cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan, các tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của các chính sách trong Dự án Luật, ý kiến phản biện xã hội của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc LGVĐBĐG.

Yêu cầu bảo đảm: Không lựa chọn giới tính thai nhi, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em gái, bình đẳng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

b) Nội dung LGVĐBĐG trong Dự án Luật dân số:

Nội dung của dự thảo Luật kế thừa những quy định còn phù hợp của Pháp lệnh Dân số, không có vấn đề bất bình đẳng giới, không phân biệt đối xử nam, nữ trong việc cung cấp, tiếp nhận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Các quy định trong dự thảo Luật cũng bảo đảm đúng nguyên tắc về bình đẳng giới, không có sự phân biệt về giới; một trong các nguyên tắc của công tác dân số là nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, cụ thể là “Bảo đảm tính chủ động, tự nguyện, bình đẳng và có trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình trong nâng cao chất lượng dân số, lựa chọn nơi cư trú, thực hiện kế hoạch hóa gia đình và quy mô gia đình phù hợp với định hướng duy trì mức sinh thay thế.” (khoản 2, Điều 3, dự thảo Luật dân số)

 Tác động giới của các quy định trong dự thảo Luật dân số (liên quan đến các chính sách, giải pháp chính sách đã được lựa chọn và những quy định có nội dung có tác động về giới)

(1) Quy định về quyền, nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện cuộc vận động về kế hoạch hóa gia đình (Điều 9)

a) Dự thảo Luật dân số xây dựng hai giải pháp quy định về quyền, nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện cuộc vận động về kế hoạch hóa gia đình để thực hiện mục tiêu chính sách là đến năm 2030, duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số 104 triệu người. Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng; 50% số tỉnh đạt mức sinh thay thế.

- Việc quy phạm hoá giải pháp được thể hiện trong dự thảo Luật dân số như sau:

*“Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc sinh con*

*1. Cặp vợ chồng và cá nhân có quyền:*

*a) Quyết định bình đẳng, tự nguyện trong việc sinh con, thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con của cá nhân, cặp vợ chồng;*

*b) Được tư vấn, cung cấp thông tin, tiếp cận, lựa chọn, sử dụng các biện pháp tránh thai, kế hoạch hoá gia đình.*

*2. Cặp vợ chồng và cá nhân có nghĩa vụ:*

*a) Bảo đảm trách nhiệm chăm sóc và nuôi, dạy con tốt; xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh;*

*b) Bình đẳng trong thực hiện các nghĩa vụ khác liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình; bảo vệ sức khỏe và thực hiện các biện pháp phòng, tránh các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS.*

*3. Khuyến khích mỗi cặp vợ chồng và cá nhân tự nguyện thực hiện các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước về công tác dân số phù hợp với từng thời kỳ.”*

(2) Quy định để khống chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

Dự thảo Luật quy định để khống chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức cân bằng tự nhiên; đến năm 2030 tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

Nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và phân biệt đối xử giới dưới mọi hình thức; Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi về không lựa chọn giới tính thai nhi; xây dựng và thực hiện các chuẩn mực xã hội bảo đảm sự bình đẳng giới trong việc thờ cúng tổ tiên, nối dõi tông đường, thừa kế; tổ chức thực hiện hiệu quả quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

Lựa chọn giới tính thai nhi làm mất cân bằng giới tính khi sinh đã trở thành vấn đề nghiêm trọng bởi hậu quả và những hệ lụy là khôn lường, là biểu hiện nghiêm trọng của việc phân biệt đối xử về giới. Tuy nhiên, mục tiêu và giải pháp để giảm nhanh tỷ số giới tính khi sinh đòi hỏi phải có thời gian và huy động nhiều nhân lực, chi phí lớn. Qua phân tích những nguyên nhân làm mất cân bằng giới tính khi sinh, thực trạng pháp luật, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, giải pháp đề xuất trong dự thảo Luật là hợp lý, có nhiều tác động tích cực trong việc khống chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, phù hợp với các quy định của Công ước CEDEW và Công ước về Quyền trẻ em và các cam kết quốc tế của Việt Nam về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử giới, đặc biệt đối với trẻ em gái và việc coi trọng nam giới hơn phụ nữ.

Quy phạm hoá giải pháp trong Dự thảo Luật tại Điều 11 về kiểm soát lựa chọn giới tính thai nhi để bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh theo quy luật sinh sản tự nhiên; đồng thời dự thảo Luật cũng quy định hành vi bị nghiêm cấm là: “Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; Nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu, lưu hành các sản phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, lựa chọn giới tính trước khi sinh” (khoản 3,4 , Điều 6).

(3) Quy định về tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân

Luật dân số quy định tại về tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân để nâng cao chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống, bảo đảm hạnh phúc hôn nhân, cụ thể là bảo đảm cuộc hôn nhân bền vững; sinh ra những đứa trẻ khỏe mạnh; phòng, tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục; đến năm 2030, tỷ lệ nam nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%, dự thảo

Khuyến khích nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ tự nguyện thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân bao gồm những nội dung liên quan đến bệnh di truyền, bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh liên quan đến thụ thai, mang thai, bệnh gây nguy hiểm cho sự phát triển bình thường của thai nhi và các nội dung khác. Những người có tiền sử gia đình có người mắc bệnh di truyền, người có nguy cơ bị khuyết tật về gen; người bị nhiễm chất độc hóa học; người thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc hại và các bệnh lây nhiễm; người có tiền sử sử dụng lâu dài các loại thuốc đặc hiệu, nghiện thuốc lá, nghiện rượu; người có bố, mẹ đẻ là những người cùng dòng máu về trực hệ hoặc có họ trong phạm vi ba đời phải được vận động đi kiểm tra sức khoẻ trước khi có ý định sinh con. Quy định trách nhiệm của của cơ quan quản lý nhà nước về y tế, dân số, cơ sở thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân trong việc thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân. Nhà nước hỗ trợ kinh phí tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân cho những người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân tộc thiểu số sống tại xã đặc biệt khó khăn; người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin.

Tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân mới được triển khai ở nước ta theo dạng mô hình, nhưng nó đã nhận được sự quan tâm, ủng hộ của đông đảo tầng lớp cán bộ, nhân dân trong cả nước. Nhìn chung, mô hình này thể hiện nguyên tắc bình đẳng giới, không phân biệt đối xử về quyền và trách nhiệm của nam, nữ hay vợ, chồng đã có tác động tích cực, được cả cán bộ, nhân dân và người cung cấp dịch vụ đánh giá cao. Trong giai đoạn hiện nay, khuyến khích khám sức khỏe trước hôn nhân, đồng thời quy định Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho người trong độ tuổi sinh đẻ có nguy cơ cao là phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giới, bảo vệ bà mẹ theo Luật bình đẳng giới và có tính khả thi về việc thực hiện trong điều kiện ngân sách Nhà nước có hạn.

 Quy phạm hoá giải pháp trong dự thảo Luật dân số:

Điều 15. Tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân: Quy định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến cơ sở có trách nhiệm thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (khoản 1).

Khuyến khích cặp nam, nữ tự nguyện trao đổi thông tin với nhau về kết quả khám sức khỏe và những ảnh hưởng đến việc mang thai, sinh con và con có nguy cơ bị bệnh, tật bẩm sinh (khoản 2).

Hỗ trợ kinh phí thực hiện kinh phí tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân cho đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và đối tượng có hoàn cảnh gia đình khó khăn được Nhà nước hỗ trợ thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (khoản 3).

(4) Quy định về tầm soát bệnh, tật bẩm sinh để nâng cao chất lượng dân số

a) Dự thảo Luật dân số quy định

Điều 16 dự thảo Luật quy định về tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh: Quy định các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có chuyên khoa sản, nhi phải cung cấp dịch vụ tư vấn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh (khoản 1).

 Khuyến khích các bà mẹ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh theo danh mục bệnh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Trừ trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo thực hiện bắt buộc theo khoản 2 Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình (khoản 2).

Đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và đối tượng có hoàn cảnh gia đình khó khăn được Nhà nước hỗ trợ thực hiện tầm soát, chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh (khoản 3).

Các biện pháp thực hiện bằng cách đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục bảo đảm cho các đối tượng thấy được lợi ích, sự cần thiết để chủ động, tự nguyện thực hiện các biện pháp tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, mang lại hạnh phúc, sự phát triển của bản thân và gia đình. Bộ Y tế quy định giải pháp này là hợp lý, có nhiều tác động tích cực hơn trong việc nâng cao chất lượng dân số, đồng thời cũng phù hợp điều kiện ngân sách và thực hiện chính sách xã hội. Giải pháp nêu trên cũng phù hợp với với các quy định của Điều 12 Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) mà Việt Nam là thành viên về quyền được hưởng một tiêu chuẩn sức khỏe về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể.

Tác động: Góp phần tích cực thu hẹp khoảng cách giới, nâng cao quyền năng phụ nữ. Không phát hiện yếu tố tiêu cực về giới trong dự thảo.

**4. Việc thực hiện chính sách dân tộc**

Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về dân tộc, xuyên suốt mọi thời kỳ cách mạng là: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là “Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam”. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng khẳng định “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Có thể tổng kết quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở những nội dung cơ bản sau:

*- Bình đẳng giữa các dân tộc trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Bình đẳng giữa các dân tộc là nội dung cốt lõi của chính sách dân tộc. Các dân tộc không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển cao hay thấp, đều có địa vị pháp lý ngang nhau về quyền lợi và nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội.*

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được ghi nhận với tính chất là một nguyên tắc hiến định trong Hiến pháp và được thể hiện thống nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật. Nhà nước đầu tư cho sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, duy trì nòi giống, phát triển giáo dục cho đồng bào các dân tộc.

Trong quá trình soạn thảo dự thảo Luật Dân số, Bộ Y tế đã nghiêm túc rà soát, nghiên cứu, thể chế các chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước. Qua rà soát, một số quy định tại dự thảo liên quan đến chính sách dân tộc như: Đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và đối tượng có hoàn cảnh gia đình khó khăn được Nhà nước hỗ trợ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, thực hiện tầm soát, chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh. Ưu tiên tiếp cận thông tin, giáo dục, truyền thông; ưu tiên trong đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ,…

Có thể thấy, dự thảo Luật đã lồng ghép chính sách dân tộc một cách rõ nét nhằm bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số thể hiện sự quan tâm đến nhóm yếu thế.

**Kết luận:** Dự thảo Luật Dân số đã có sự xem xét toàn diện, đầy đủ và hợp lý các yếu tố về thủ tục hành chính, phân quyền - phân cấp, bình đẳng giới và chính sách dân tộc. Các nội dung được xây dựng phù hợp với thực tiễn và không tạo gánh nặng không cần thiết cho người dân, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Trên đây là bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Luật Dân số./.